

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HS-ST

Ngày: 25/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ An Quân; Ông Nguyễn Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978; ĐKKHKT và cư trú: Số I Q, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị K; Có vợ là: Phạm Thị Thu H và 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981. Điều trú tại: Số A P, phường L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

***Người làm chứng:**

- Anh Lê Đức L. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T và anh Nguyễn Mạnh H1 sinh năm 1978 ở số A P, phường P, TP Hải Dương có quan hệ quen biết, anh H1 có nói chuyện với T về việc em vợ anh H1 là Nguyễn Thanh T2 sinh năm 1983 ở khu A, phường N, TP Hải Dương đang chấp hành án tại Trại giam H3 muốn được ra ngoài chữa bệnh, do

cần tiền chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh H1, T nói dối anh H1 là có quan hệ quen biết có thể xin được cho em vợ của anh H1 ra ngoài chữa bệnh. Do tin tưởng nên anh H1 đồng ý.

Khoảng đầu tháng 4 năm 2021, T đến quán nước của chị Nguyễn Thanh N sinh năm 1981 (là vợ của anh H1) ở đầu ngõ I N, phường B, TP Hải Dương để gặp anh H1 và bảo: “Đưa trước cho anh ít tiền để lo chi phí trước”. Anh H1 tưởng thật nên đưa cho T số tiền 9.000.000 đồng. Khoảng giữa tháng 6 năm 2021, để có tiền tiêu sài tiếp, T tiếp tục đến quán nước của chị N bảo anh H1: “Đưa tiếp cho anh 20.000.000 đồng để anh đi lo việc. Cứ yên tâm, không lo được sẽ hoàn trả tiền”. Anh H1 đồng ý và đưa cho T số tiền trên. Sau đó, ngày 21/07/2021, T sử dụng số điện thoại 0913377972 gọi đến số điện thoại 0945210450 của anh H1 bảo “Tôi đang ở trên Phú Thọ để lo việc cho em ông, ông chuyển cho tôi 30.000.000 đồng để tôi lo việc”. Anh H1 tưởng thật nên bảo chị N cầm số tiền 30.000.000 đồng ra Ngân hàng L1 ở đường N, TP Hải Dương để chuyển khoản đến số tài khoản 0341006933252 ngân hàng V mang tên Nguyễn Xuân T. Sau đó, T tiếp tục hứa hẹn tạo lòng tin với anh H1 và khẳng định đến ngày 02/9/2021 sẽ lo xong việc. Đến hết tháng 9/2021 không thấy T lo được việc cho T2, anh H1 hỏi T thì T tiếp tục nói dối và khẳng định “Khả năng phải từ giờ đến Tết và phải thêm tiền”. Do tin tưởng nên anh H1 tiếp tục bảo với T: “Thế anh cứ lo cho em, thiếu đâu bảo em”. Đến ngày 04/11/2021, T ra quán nước của chị N bảo anh H1 “chuyển tiếp cho anh 100 triệu để lo việc”, anh H1 đồng ý và bảo T “bây giờ em chỉ có 50 triệu em chuyển trước cho anh nhé”. Sau đó, anh H1 bảo chị N sử dụng số tài khoản 043898420001 ngân hàng L2 mang tên Nguyễn Thanh N chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến số tài khoản 0913377972 ngân hàng M mang tên Nguyễn Xuân T. Anh H1 hẹn T hôm sau sẽ đưa nốt số tiền 50.000.000 đồng còn lại. Tối ngày 05/11/2021, tại quán nước của chị N, anh H1 đã đưa cho T nốt số tiền 50.000.000 đồng còn lại để lo việc cho T2. Số tiền 50.000.000 đồng nhận chuyển khoản của chị N, T đã chuyển khoản cho vợ của T là chị Phan Thị Thu H2, sinh năm: 1980, trú tại: số A P, P. N, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (T dùng số tài khoản 0913377972 ngân hàng M mang tên T chuyển đến số tài khoản 030074058686 ngân hàng S của chị H2). Tổng số tiền T đã nhận của chị N, anh H1 là 159.000.000 đồng. T hứa hẹn với chị N, anh H1 nhiều lần về việc T2 sẽ được về nhà chữa bệnh, không thấy T2 được về nhà như T hứa hẹn nên chị N, anh H1 yêu cầu T trả lại tiền. Ngày 12/5/2023, chị N làm giấy cam kết trả tiền và yêu cầu T ký cam kết đến ngày 01/6/2023 trả lại tiền. Tuy nhiên từ đó đến nay T không trả tiền cho anh H1, chị N mà đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/9/2023, anh H1, chị N có đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương và giao nộp 01 giấy cam kết trả tiền đề ngày

12/5/2023; ngày 20/01/2024, chị N giao nộp 02 file video clip liên quan đến việc T nhận tiền của vợ chồng anh H1, chị N.

Tại Kết luận giám định số 151 ngày 21/8/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

Chữ viết tay, chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Xuân T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1 ->M3) là do cùng một người viết và ký ra.

Tại kết luận giám định số 7551 ngày 11/12/2024 của Viên khoa học hình sự Bộ Công an:

Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh, hình ảnh trong các file video mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “anh” và tự xưng là “anh” trong các file video mẫu cần giám định với tiếng nói của Nguyễn Xuân T trong mẫu so sánh là của cùng một người

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với vật các kết luận giám định, biên bản giải trình; lời khai của các bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 23/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Nguyễn Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh H1, chị N đề nghị bị cáo bồi thường cho anh chị số tiền 159.000.000đ. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/8/2024.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Mạnh H1 và chị Nguyễn Thanh N số tiền là 159.000.000đ.

- **Về vật chứng:** Không giải quyết.

- **Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 11/2021, tại TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, để có tiền tiêu sài cá nhân Nguyễn Xuân T dùng thủ đoạn gian dối, nói dối anh Nguyễn Mạnh H1 và chị Nguyễn Thanh N về việc T có thể lo giúp cho Nguyễn Thanh T2 là em trai chị N hiện đang chấp hành án tại Trại giam H3 - Bộ Công an được ra ngoài chữa bệnh, làm anh H1, chị N tưởng thật và chiếm đoạt của vợ chồng anh H1, chị N tổng số tiền 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình và lo lắng trong nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích vụ lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 159.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] **Về tình tiết tăng nặng:** Trong một thời gian ngắn bị cáo nhiều lần có hành vi lừa dối bảo vợ chồng chị N, anh H1 chuyển tiền cho bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] **Về tình tiết giảm nhẹ:** Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Gia đình bị cáo có bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị K đều được tặng huân chương kháng chiến. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích với gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh T, chị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 159.000.000đ, do vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T, chị N số tiền nêu trên.

[7]. Về các vấn đề khác: Đối với chị Phạm Thị Thu H là người được bị cáo T chuyển số tiền 50.000.000 đồng chiếm đoạt của chị N, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập nhưng chị H vắng mặt tại địa phương, tài liệu điều tra không có căn cứ chứng minh chị H biết số tiền này do bị cáo T phạm tội mà có nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/8/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thanh N và anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền là 159.000.000đ (Một trăm lăm mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.950.000đ (Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu